

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC CỦA PHẬT GIÁO ĐÀNG TRONG THẾ KỶ 17 VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA THIỀN SƯ THẠCH LIÊM

Tóm tắt: *Khi nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Việt Nam thời Trịnh - Nguyễn phân tranh nói chung, cũng như quá trình phát triển của Phật giáo Đàng Trong vào thế kỷ 17 nói riêng, không thể không kể đến vai trò của những thiền sư Trung Hoa đã góp phần truyền bá tông Lâm Tế và tông Tào Động vào vùng đất này. Hòa thượng Thạch Liêm được xem là nhân vật tiêu biểu đã đưa phái thiền Tào Động vào miền Trung nước ta. Bài viết tập trung tìm hiểu về bối cảnh lịch sử, tiểu sử, hành trạng của thiền sư Thạch Liêm, chú trọng phân tích những tư tưởng triết học Phật giáo cơ bản của ông trên ba phương diện: chứng ngộ bản tâm; dung hòa Thiền-Tịnh, Phật-Nho và hành thiền nhập thế. Đồng thời, bài viết cũng làm rõ ý nghĩa, đóng góp cũng như hạn chế của vị thiền sư này đối với Phật giáo Đàng Trong.*

Từ khóa: *Thạch Liêm Đại Sán; Phật giáo Đàng Trong; Thiền phái Tào Động.*

Mở đầu

Vào thế kỷ 17, nước ta bị chia cắt bởi cuộc nội chiến Trịnh - Nguyễn. Sông Gianh (Quảng Bình) trở thành giới tuyến. Từ sông Gianh trở ra gọi là Đàng Ngoài do họ Trịnh cầm quyền, từ sông Gianh trở vào gọi là Đàng Trong do họ Nguyễn cầm quyền. Những đợt giao chiến khốc liệt, bất phân thắng bại giữa hai bên diễn ra liên

* Khoa Triết học, Trường Đại học Trung Sơn, Trung Quốc.

Ngày nhận bài: 16/9/2020; Ngày biên tập: 28/12/2020; Duyệt đăng: 19/01/2021.

miên từ năm 1627-1672 đã khiến cho nhiều mặt của xã hội bị ảnh hưởng sâu sắc. Điều kiện lịch sử trên đã làm nảy sinh nhu cầu cần phải tạo nên sự ổn định hơn nữa về mặt tư tưởng, tôn giáo, tránh phân tán làm chỗ dựa cho đời sống tinh thần của xã hội. Đòi hỏi này không chỉ phù hợp với mong muốn của nhà cầm quyền, mà còn là nhu cầu không thể thiếu của các tầng lớp dân chúng nói chung trong bối cảnh có nhiều biến động của thời cuộc.

Phật giáo nước ta trong giai đoạn này, ngoài những tông môn đã có từ trước, còn diễn ra quá trình giao lưu, tiếp xúc với Phật giáo bên Trung Quốc, mà tiêu biểu là hai thiền phái: Lâm Tế và Tào Động, được truyền vào nước ta thông qua các vị thiền sư người Hoa và người Việt. Trong số đó, thiền sư Thạch Liêm được biết đến là một nhân vật Phật giáo hết sức độc đáo và kỳ tài hiếm có, vừa là danh tăng người Hoa sang truyền pháp ở Đàng Trong, lại vừa là thượng khách của chúa Nguyễn Phúc Chu. Ông có duyên hoằng pháp ở cả Trung Hoa và Đại Việt, lại có đóng góp trên nhiều phương diện như Phật giáo, thi họa, sử ký và cả trên lĩnh vực giao lưu văn hóa giữa hai nước thời bấy giờ.

1. Khái quát về bối cảnh lịch sử và tiểu sử của thiền sư Thạch Liêm

1.1. Về bối cảnh lịch sử

Từ khi vào trấn thủ ở Thuận Quảng vào năm 1558, cùng với việc không ngừng phát triển lực lượng trở thành một thế lực cát cứ đối trọng với họ Trịnh đang nắm quyền ở Đàng Ngoài, họ Nguyễn đã từng bước xây dựng nhiều mặt ở Đàng Trong về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, hình pháp, v.v... Bên cạnh đó, các chúa Nguyễn ở buổi đầu còn chú trọng đến việc tạo điều kiện để củng cố thêm về mặt tôn giáo trên cơ sở lấy Phật giáo làm nền tảng cho đời sống tinh thần của xã hội thời bấy giờ. Do là vùng đất mới, nên Tam giáo nói chung và Phật giáo nói riêng chưa có được bề dày lịch sử và tính lan tỏa trong cộng đồng rộng lớn như ở Đàng Ngoài, nhất là sau khi thiền sư Hương Hải vào năm 1682 đã cùng với 50 đồ đệ dong thuyền ra Bắc, dành hết tâm huyết phục hưng thiền phái Trúc

Lâm của dân tộc. Thiền sư Hương Hải từng có thời gian truyền pháp rất nổi tiếng ở Đàng Trong nhưng do bị kẻ xấu bịa đặt khiến chúa Nguyễn Phúc Tần nghi ngờ về lập trường chính trị của ông nên ông đã ra Đàng Ngoài. Tại Đàng Ngoài, ông đạt được thành tựu viên mãn khiến cho vua Lê Dụ Tông cùng chúa Trịnh Tạc, Trịnh Cương vô cùng kính trọng sư. Mặt khác, sau khi thiền sư Hương Hải và nhóm đồ đệ rời Đàng Trong ra Đàng Ngoài, tuy trên thực tế số lượng tăng sư người Việt và người Hoa ở Đàng Trong không phải là ít, nhưng do lo ngại bị nghi ngờ có liên hệ với Đàng Ngoài như trường hợp thiền sư Hương Hải, nên đa số họ đều chọn lối sống chuyên tâm tu hành, hạn chế kết giao với nhà cầm quyền. Điều đó đã khiến cho tình hình Phật giáo Đàng Trong nhìn chung lâm vào cảnh thiếu sự gắn kết và chưa tạo được thế đứng vững chắc về mặt chính trị, dù rằng trên phương diện hoằng pháp như lập tháp, dựng chùa, độ chúng đã có ít nhiều những thành tựu nhất định.

Trên thực tế, một yếu tố nhạy cảm khác về mặt chính trị cũng đã góp phần khiến chúa Nguyễn Phúc Chu mong muốn mời danh tăng từ Trung Hoa sang hoằng pháp là sự kiện năm 1692, “một người Trung Hoa tên A Ban lại xúi giục nổi loạn ở vùng Bình Thuận, giết nhiều quan chức trấn giữ ở đó. Chúa phải cử đại quân vào đánh dẹp. Qua biến loạn này, có thể chúa không còn tin ở sự trung thành của người Hoa kiều nữa...”¹. Do vậy, mặc dù ở Đàng Trong thời bấy giờ đã có một số vị tăng người Hoa từng theo thuyền buôn sang truyền pháp và lưu trú ở đây từ trước, như: thiền sư Nguyên Thiều, thiền sư Tử Dung, v.v... nhưng do lo ngại họ có dính líu đến những cuộc nổi dậy tạo phản của nhóm người Hoa như A Ban (ở Bình Thuận), Quang Phú (ở Quy Nhơn) nên chúa Nguyễn Phúc Chu có phần dè dặt hơn trong việc trọng dụng những vị thiền sư gốc Hoa này. Chính vì sự phức tạp về chính trị của thời cuộc như thế khiến cho một vị chúa vừa lý trí, vừa mộ đạo như Nguyễn Phúc Chu (1675-1725) đã tiếp nối mong muốn của cha, mời danh tăng từ Trung Hoa sang hoằng pháp ở vùng đất này nhằm củng cố thêm nền tảng tinh thần của xã hội ở Đàng Trong.

Cùng với các nguyên nhân nêu trên thì khi các chúa Nguyễn buổi đầu vào trấn thủ xứ Đàng Trong phải huy động binh lính trong dân chúng nên nhiều người vì lo sợ bị đi lính đã xuất gia cầu Phật khiến cho về hình thức, số lượng tăng sư không phải là ít, nhưng trên thực tế, rất hiếm có người còn hiểu được giáo nghĩa sâu xa của Phật pháp. Tình cảnh này đã được Hòa thượng Thạch Liêm đến từ Trung Hoa, nhân những điều “mắt thấy, tai nghe” đã thuật lại trong sách *Hải ngoại kỷ sự*: “Nhân hỏi chuyện, biết rằng, trong nước trăm thứ thợ đều do quân nhân làm. Mỗi năm vào khoảng tháng Ba, tháng Tư, quân nhân đi ra các làng, bắt dân từ 16 tuổi trở lên, những người thân thể cường tráng, đóng gông lại bằng một cái gông tre hình như cái thang nhưng hẹp hơn, để giải về phủ sung quân; vào quân đội rồi, mỗi người bắt chuyên học một nghề, kẻ phân phái đi theo các chiến thuyền để luyện tập; có chiến tranh đem ra đánh giặc, lúc vô sự ở theo vương phủ làm sâu; tuổi chưa đến 60, chẳng được về làng cùng cha mẹ vợ con đoàn tụ; hàng năm, thân thích đem áo quần, vật thực đến thăm mà thôi. Vì có ấy, những dân còn lại ở nhà, toàn gầy yếu bệnh tật, chẳng có mấy người mạnh mẽ. Cha mẹ sợ con phải đi lính, vừa lớn lên tức cho vào chùa làm sãi, hầu mong trốn tránh việc quan; do đó bọn khoác áo nhà chùa rất đông, Phật pháp trở nên hỗn loạn, chẳng những “tông phái” không ai hỏi đến, mà các việc “Luật”, “Luận” cũng đều xếp xó bỏ qua; đến đổi những kẻ mao ni áo tràng, mà nét xấu tật hư, còn quá bọn dân quê ngoài làng mạc! Cho đến những hạng trí thức tự xưng làm thầy người, cũng không cứu vãn được tệ phong, luống phụ lòng kính tin của quốc dân và chúa thượng”². Tạm gạt qua mấy lời bình luận có phần chủ quan của một vị thiền sư ngoại quốc mới đến Đàng Trong, chưa hiểu rành mạch, cận kề về lịch sử và tình hình Phật giáo nước ta thời bấy giờ, nhưng phần trình bày của ông đã phản ánh được phần nào về bối cảnh Phật giáo ở Đàng Trong nửa cuối thế kỷ 17. Từ đó cho thấy tình hình Phật giáo ở Đàng Trong thời kỳ này không tránh khỏi ảnh hưởng tiêu cực của cuộc nội chiến Trịnh-Nguyễn phân tranh dẫn đến tình trạng người xuất gia đi

tu cốt nhằm để tránh việc bị bắt lính, nên việc tuân theo giới luật và công phu tu hành chưa thể khiến người đời phát tâm kính phục và noi theo.

Ngoài ra, một yếu tố khác bắt nguồn từ cuộc di dân vào Đàng Trong của cộng đồng người Việt sinh sống cộng cư với một số cộng đồng dân tộc khác, như người Chăm, người Hoa,... đã nảy sinh nhu cầu cần phải tôn tạo một đời sống tinh thần, tôn giáo phù hợp với họ, làm chỗ dựa về mặt tâm thức cho cộng đồng di dân. Khi bàn về vấn đề này, nhà nghiên cứu Li Tana đã có phân tích đáng để suy ngẫm sau: “Các di dân người Việt đã bỏ lại phía sau nơi chôn nhau cắt rún của họ và giờ đây thường phải sống thành những nhóm nhỏ trong vùng đất của người Chăm cũ, hẳn là đã cảm thấy nền văn hóa Chăm vừa có những nét đẹp riêng vừa xa lạ khiến người ta phải e dè... Trong tình hình mới này, các nhà lãnh đạo họ Nguyễn cảm thấy cần phải đưa ra một cái gì đó khác với tín ngưỡng của người Chăm để củng cố các di dân người Việt về mặt tinh thần và tâm lý. Không thể sử dụng Khổng giáo vì những khẳng định cơ bản của Khổng giáo trực tiếp mâu thuẫn với vị trí của họ Nguyễn bị coi là một chế độ ly khai và nổi loạn đối với triều đình. Tuy nhiên, họ Nguyễn lại không dám đi quá xa và không dám tìm ra một giải pháp hoàn toàn khác biệt với truyền thống của người Việt ở phía Bắc. Trong những hoàn cảnh đó, Phật giáo Đại Thừa đã cung cấp một giải pháp đáp ứng nhu cầu của họ Nguyễn. Phật giáo một mặt đẩy mạnh bản sắc dân tộc của người Việt và mặt khác làm lắng đọng các mối lo âu của người di dân mà không đặt lại vấn đề về tính hợp pháp của những người cai trị”³.

Về bối cảnh ở Đàng Trong là như thế, còn về tình hình Phật giáo ở Trung Quốc thời nhà Thanh ra sao, vì lý do gì mà trong thời kỳ này, ngoài thiền sư Thạch Liêm còn có những vị tăng người Trung Hoa khác sang Đại Việt hoằng pháp, như: Chuyết Công, Minh Hành, Nguyên Thiều, Từ Dung...? Tác giả Thích Mật Thể trong *Việt Nam Phật giáo sử lược* có nhận định về vấn đề này khách quan như sau: “Lại xét Phật giáo sử của Trung Quốc thấy chép: “Một đời

nhà Thanh, vua Thái Tổ, vua Cao Tông hết sức phục hưng Nho giáo, đối với Phật giáo tuy có ý bảo hộ, nhưng không được chu đáo lắm. Còn về Lạt Ma giáo thì giữ theo chính sách nhà Nguyên”. Lại chép: “Đương thời tuy vẫn có các tông: Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Mật, Thiền, Pháp Tướng, Tịnh Độ, v.v... nhưng thật tăng đồ ít ai thấu hiểu giáo lý, vì Phật giáo đã tới thời đại suy đồi rồi. Phật giáo ở Trung Quốc bấy giờ suy đồi cũng là bởi trong nước không yên, suốt một đời vua Càn Long, chẳng mấy lúc được thái bình. Những bậc cao tăng thấy tăng đồ trong nước ngày một suy đồi, nên mới đi sang nước ta để giáo hóa”⁴. Từ đó cho thấy bên cạnh việc xuất phát từ ý thức chính trị của nhà cầm quyền, cũng như bốn nguyện của thiền sư Thạch Liêm ra, đó còn là sự phản ánh thực trạng tình hình Phật giáo ở Trung Quốc thời bấy giờ đã thôi thúc Hòa thượng Thạch Liêm nhận lời mời của Minh Vương Nguyễn Phúc Chu sang xứ Đàng Trong hoằng pháp.

1.2. Vài nét về tiểu sử và hành trạng của thiền sư Thạch Liêm

Hòa thượng Thạch Liêm sinh năm 1633 vào cuối thời nhà Minh, đầu thời nhà Thanh ở Trung Quốc, pháp danh Đại Sán. Về mặt tông phái, thiền sư Thạch Liêm thuộc đời thứ 29 của thiền phái Tào Động. Tào Động tông vốn là một trong 5 tông nổi tiếng của Thiền tông Trung Hoa, được thiền sư Động Sơn Lương Giới (807 ~ 869) và người học trò xuất sắc là Tào Sơn Bản Tịch (840 - 901) khai tông ở vùng Giang Tây, Trung Quốc. Sư là đồ đệ nổi pháp của thiền sư Giác Lăng Đạo Thịnh tu ở chùa Thiên Giới thuộc phủ Giang Ninh (nay thuộc Nam Kinh), Trung Quốc. Sư Thạch Liêm là một trong những vị tăng có tiếng ở tỉnh Quảng Đông thời bấy giờ. Thạch Liêm làm trụ trì chùa Trường Thọ ở Quảng Châu, tăng chúng theo học rất đông. Tiểu sử của thiền sư Thạch Liêm được ghi lại trong *Đại Nam Liệt truyện tiền biên* như sau: “Thạch Liêm hòa thượng, hiệu là Đại Sán Hán Ông, quê ở Giang Tây nhà Thanh, người rộng rãi tốt đẹp. Những nghề thiên văn tinh tượng, luật lịch, bói toán, địa lý, xem số, viết chữ triện, chữ lệ, vẽ tranh, truyền thần, cái gì cũng biết. Lại giỏi làm thơ. Lúc cuối nhà Minh, người Thanh

vào làm vua Trung Quốc, Liêm giữ nghĩa, không chịu làm tôi nhà Thanh, bèn lạy từ mẹ già, xuống tóc đi tu, chống gậy tích đi chơi những sơn thủy danh thắng, chân đi gần khắp. Anh Tông hoàng đế (tức chúa Nghĩa/Nguyễn Phúc Trăn - NNP) nghe nói Liêm học đủ đạo Phật, bèn sai Tạ Nguyên Thiệu đi sang Quảng Đông đón cao tăng⁵. Liêm mừng, liền cùng Nguyên Thiệu vượt biển sang Nam. Đã đến nơi, Chúa cho Liêm ở chùa Thiên Mục. Đời Hiến Tông (tức chúa Ninh/Nguyễn Phúc Chu - NNP), hoàng đế thường mời vào nói chuyện đạo Phật. Chúa yêu quý vì là người học tinh và rộng. Liêm khéo can ngăn từ lúc việc chưa xảy ra, cũng có bổ ích... Ở được mấy năm, Liêm xin về Quảng Đông. Chúa tặng tiền rất hậu... Từ đây không sang nữa. Sau nhân thuyền buôn sang Nam, Liêm làm bài thơ tứ tuyệt, tự tình cung tiến và có lời dẫn... Liêm trước tác có tập *Ly lục đường thi*, và *Hải ngoại kỷ sự lưu hành ở đời*⁶.

Theo ghi chép trong sách *Đại Nam Liệt truyện tiền biên* có chi tiết cho rằng Hòa thượng Thạch Liêm cùng sư Nguyên Thiệu theo đường biển sang Đàng Trong năm 1695. Trên thực tế, việc sư Nguyên Thiệu vâng lệnh chúa Nghĩa (Anh Tông) Nguyễn Phúc Trăn (1649-1691) sang Quảng Đông mời Hòa thượng Thạch Liêm có thể trong lần thứ nhất hoặc lần thứ hai, nhưng Sư Nguyên Thiệu không phải là người đi mời lần thứ ba và đi cùng sư Thạch Liêm sang xứ Đàng Trong. Điều này phù hợp với lời tự thuật của chúa Nguyễn Phúc Chu trong bài tựa viết cho quyển *Hải ngoại kỷ sự* như sau: “Trường Thọ bản sư Lão hòa thượng, ta từ ngày đương làm thế tử đã nhiều năm ngưỡng mộ; Tiên Vương (tức Nghĩa Vương Nguyễn Phúc Trăn) đưa thư rước mời hai lần không qua. Mùa thu năm Giáp Tuất (1695), ta muốn thụ Bồ Tát giới pháp, nói chí Tiên Vương sai người qua rước, may được hòa thượng nhận lời”⁷. Như thế, có thể thấy trong lần mời thứ ba, chúa Nguyễn Phúc Chu (Hiển Tông) sai hai sứ giả người Phúc Kiến là Trần Thiêm Quan và Ngô Tư Quan sang dâng quốc thư, kèm với lá thư riêng do Hòa thượng Quả Hoằng từng là học trò của Thạch Liêm đã sang Đại Việt từ trước được phong làm Quốc sư, nay có lời thỉnh mời sư phụ Thạch

Liêm, thì ông mới nhận lời và thu xếp cùng đoàn đồ đệ hơn 50 người theo thuyền buôn, chở theo nhiều pháp tượng, pháp khí đến Thuận Hóa vào ngày 29 tháng Giêng năm Ất Hợi (ngày 13 tháng 3 năm 1695). Thiền sư Thạch Liêm sau khi diện kiến với chúa Nguyễn Phúc Chu, được chúa ban cho ở chùa Thiên Lâm, sau dời sang ở chùa Thiên Mụ.

Trong thời gian lưu lại hoằng pháp ở Đàng Trong, thiền sư Thạch Liêm đã nhiều lần hội kiến đàm đạo với chúa Nguyễn Phúc Chu, nhất là về khía cạnh vận dụng Phật giáo vào việc trị nước an dân, được chúa rất quý. Ngoài ra, ông đã nhiều lần đứng ra cử hành các lễ Đại giới đàn Thiên lâm cho hàng nghìn người với đầy đủ những nghi thức Phật giáo hết sức long trọng thời bấy giờ. Sư còn viết những bài khai thị, hướng dẫn tu hành cho tín đồ. Thạch Liêm còn có cuộc du hành đến thăm chùa Tam Thai ở Quảng Nam, chùa Di Đà ở Hội An, v.v... Ông còn cởi mở giao thiệp, đàm luận với các bậc công hầu thân thích của chúa Nguyễn Phúc Chu về Phật học, Nho học. Trong số những người được sư Thạch Liêm truyền Bô Tát giới, về phía cư sĩ có chúa Nguyễn Phúc Chu, Quốc Mẫu, công chúa, vương huynh của chúa là Lê Truyền Hầu, Thiệu Dương Hầu, Nguyễn Lão Đông Triều Hầu, Đẳng Long Hầu và Cai Bá chúng quan, v.v...

Sau thời gian lưu lại để truyền pháp ở Đàng Trong, do bận việc xây dựng chùa cũ còn dang dở và giảng dạy môn đồ, nên sư Thạch Liêm cùng các đồ đệ xin trở về Quảng Đông vào ngày 22 tháng 7 năm 1696, sau đó không sang nữa. Lúc về, ông được chúa Nguyễn Phúc Chu tiễn đưa rất hậu, chúa còn ban tặng nhiều đồ quý và phụ giúp lương tiền để xây cất Đại Hùng bảo điện ở chùa Trường Thọ (Quảng Châu).

Những năm cuối đời, thiền sư Thạch Liêm không được sống thanh nhàn, mà ngược lại phải chịu cảnh khốn đốn ở chốn quan đường vì bị tra xét, thụ hình. Vốn là một người thông tuệ, học sâu hiểu rộng, lại tài hoa hơn người nên tính cách ông khá tự phụ, khen chê thẳng thắn. Bên cạnh đó, dù là một vị tăng nhưng ông lại có

phong cách sống khoáng đạt của giới văn nhân trí thức, đôi lúc không uốn mình theo lễ giáo phong kiến, cùng với quan niệm có phần linh hoạt, uyển chuyển hơn so với giới luật, thanh quy đương thời nên bị không ít người ghen ghét. Chính điều này đã khiến ông gặp nạn do bị một số kẻ gièm pha, tố cáo ông lên quan chức địa phương đến nỗi bị bắt phải giải trình, phạt đòn, ra lệnh trục xuất và mất khi đang trên đường bị áp giải về nguyên quán⁸. Ông viên tịch vào khoảng năm 1704.

2. Tư tưởng Phật học cơ bản của thiền sư Thạch Liêm

Có thể khái quát tư tưởng Phật học của thiền sư Thạch Liêm trên ba phương diện nổi bật sau: tư tưởng chứng ngộ bản tâm, tư tưởng dung hòa Thiền-Tịnh, Phật-Nho, và tư tưởng hành thiền nhập thế.

2.1. Tư tưởng chứng ngộ bản tâm

Khi nghiên cứu về thiền sư Thạch Liêm có thể thấy, một trong những tư tưởng thiền học chủ đạo xuyên suốt của ông chính là quan niệm về chứng ngộ bản tâm, chân tâm, hay còn được ông gọi là “tự tâm bản lai”, “thanh tịnh bản lai”.

Tư tưởng này của thiền sư Thạch Liêm được phản ánh khá rõ nét qua đoạn thư ông phúc đáp gửi Hiền công chúa (chị của chúa Nguyễn Phúc Chu) khi bà xin được khai thị để theo đó mà tu học, ông viết như sau: “Tâm có thể chuyển dời muôn vật, nhưng muôn vật chẳng khá chuyển dời tâm; vì tôn chỉ chẳng bị ngoại vật chuyển dời, mới có thể xử cảnh sang chẳng khoe, xử cảnh giàu chẳng ngạo, ở chỗ náo nhiệt vẫn yên tĩnh, ở chỗ đậm đà vẫn những nhưng, mất chẳng giận, được cũng chẳng mừng vậy;... chỉ tin tưởng “tâm” ấy vô sinh vô diệt, quyết định thành Phật... Chỉ cần hay lập tâm chuyển muôn vật, xem có như không, chẳng si ái những thứ cỏ rác vất đi, để thành tựu cái an cư bất hoại của tự mình, rồi tha hồ tùy mình thụ dụng; ấy gọi là ‘trên một cành cỏ, hiện thành điện ngọc lầu quỳnh’ vậy. Ấy chẳng phải tự nhiên mà được, cũng chẳng phải nhờ ai mà được, chỉ đem bình nhật tình si dục ái vất hết, còn lại chỉ có “tự tâm bản lai”, “thanh tịnh bản lai”, thì đầy đủ hết thấy Phật

quả Bồ đề đều ở trong tâm ấy hiện ra vậy”⁹. Qua phần trình bày trên, Thạch Liêm chỉ ra cho Hiền công chúa hiểu rằng, việc tu thiền cốt yếu ở chỗ “chuyển tâm”, tức tu làm sao để chuyển từ tâm bình thường bị ngoại cảnh sai khiến, vọng động, chạy theo hình danh sắc tướng, phân biệt đối đãi sang trạng thái “tâm thanh tịnh”, “tâm bất nhiễm vật” và đạt đến cảnh giới “tâm chuyển vật”. Cảnh giới này có nghĩa là người tu thiền đã chứng đắc được “chân tâm” hay “tự tâm bản lai”, “thanh tịnh bản lai”, đồng nhất tâm mình với “tâm Phật”. Thiền sư Thạch Liêm lưu ý thiền giả, chỉ có thể đi đến sự chứng ngộ bản tâm bằng việc dựa vào chính mình, mà không phải trông chờ vào sự trợ giúp từ ai khác. Chân tâm này vốn dĩ vô sinh vô diệt mà mỗi người đều có, chỉ khi loại bỏ được tất cả những vọng niệm (tình si dục ái, yêu ghét, mừng giận... đối đãi chấp trước) thì thiền giả mới thật sự đạt đến chứng ngộ và giải thoát.

Hay trong một đoạn hồi đáp thư của Đăng Long Hầu khi hỏi về Thiền đạo và giác ngộ là gì? Hòa thượng Thạch Liêm đã giảng giải khúc chiết cho người này hiểu được như thế nào là “Phật”, “bản tâm”, “tham thiền”, “giác ngộ”: “Phật tức là bản tâm đồng có ưa ghét của chúng ta, tức là tâm lòng “nghe cứu cánh mà lưu luyến” của ngài nói trong thư vậy. Há tự mình lại chẳng ưa tự mình hay sao? Và lại học đạo vốn cầu vô sự, ngài chẳng nghe nói: “cần ở trên chỗ hữu sự đạt đến vô sự” hay sao? Tham thiền vốn chẳng nương tựa vào một vật nào, ngài chẳng nghe nói: “Bản lai không có một vật nào” hay sao? Nếu lấy sự vật cầu Thiền đạo, tức chẳng phải Thiền đạo vậy... Tuy căn tính có kẻ bén, người lạt; giác ngộ có kẻ sớm, người chầy. Nhưng phải cẩn thận, giữ lòng mình chớ cho sai lệch... Nếu biết lấy bốn phạm làm việc cần kíp, mặc kệ thiền đạo sự lý, lòng lưu luyến, ưa ghét, tự nhiên trên mắt vén sạch một tầng mây, chẳng bị sáng mờ chướng ngại. Chẳng thế thì một chữ “Phật”, ta cũng chẳng ưa nghe, Văn Môn nói được, cư sĩ nói chẳng được, phải chờ đến khi thấy rõ một chân mang hai chiếc bít tất, lột ra mang lại, tự do thẳng bước tiến lên, mới tin lời lão tăng nói chẳng sai vậy. Chẳng thế cũng ví như ngồi ở bên giỏ com mà cứ kêu đói

bụng vậy”¹⁰. Như vậy, ở đây Thạch Liêm quan niệm “Phật” chẳng gì khác hơn đó chính là “bản tâm”, hay còn gọi là “chân tâm” trong lặng, thường hằng mà chúng sinh ai ai cũng có. Chỉ khi nào đạt đến “tâm vô trụ” (“cần ở trên chỗ hữu sự đạt đến vô sự”), tự mình tham thiền, rồi tùy theo căn tính cao thấp mà sớm hoặc muộn đạt đến chỗ chứng ngộ và giải thoát. Thạch Liêm cho rằng, mục đích của tham thiền là để chứng ngộ được chân lý: “bản tâm” và “Phật” là một, không khác; do vậy nếu thiền giả nương nhờ vào vật để cầu Phật tức là mê lầm, vì như thế không phải là Thiền đạo chân chính. Quan niệm này của thiền sư Thạch Liêm đã phản ánh rõ nét tư tưởng “vô sở đắc”, “vô sở ngộ” của thiền phái Tào Động ở Trung Hoa. Từ đó, ông chỉ ra người tu thiền cốt yếu ở chỗ xóa bỏ vô minh, vọng niệm, chấp trước che mờ bản tâm, thì mới đạt đến sự giác ngộ chân như bản thể, tự tại vô ngại. Hình ảnh ẩn dụ “người ngồi bên giỏ cơm mà cứ kêu đói bụng” tượng trưng cho sự mê lầm, quên mất bản tâm của chúng sinh; còn hình ảnh khi phát hiện ra sự nhầm lẫn của nhận thức và hành động “một chân mang hai chiếc bít tất, tháo ra, mang lại” tượng trưng cho sự giác ngộ khai mở “bản tâm”.

2.2. Tư tưởng dung hòa Thiền-Tịnh, Phật-Nho

Nét nổi bật khác trong tư tưởng triết học Phật giáo của thiền sư Thạch Liêm, đó là ông mang khuynh hướng dung hòa giữa các yếu tố Thiền-Tịnh, Phật-Nho. Chúng ta biết rằng, mặc dù thiền phái Tào Động ở Trung Hoa có khuynh hướng đề cao pháp môn tu hành theo “Mặc chiếu thiền” (dựa vào công phu tọa thiền, quán chiếu bên trong để nhiếp tâm thanh tịnh, từ đó thấu triệt được bản nguyên của vạn vật và khai ngộ), nhưng tư tưởng này không mấy được Thạch Liêm đề cập đến trong trước tác của ông. Khi luận bàn về một trong những pháp môn tu hành hiệu quả, nhờ đó giúp cho thiền giả đạt đến sự tinh tiến trên bước đường tu học, Thạch Liêm đã chủ trương dung hòa giữa tư tưởng Thiền học và Tịnh Độ, khuyến khích người tu thiền chú trọng pháp môn niệm Phật để nhiếp tâm thanh tịnh, đạt đến chỗ cứu cánh của thiền. Tư tưởng này được thể hiện qua bài Tự tính Di Đà thuyết, được hòa thượng Thạch Liêm

viết nhằm khai thị về pháp môn niệm Phật A Di Đà cho Quốc Mẫu trước khi định trở về Quảng Đông như sau: “Nhân bảo rằng: Đường tu hành giản tiện, không chi bằng niệm Phật. Quý hồ, ngăn dứt mọi trần duyên, tâm niệm sáu chữ 11; tâm chẳng tán loạn, niệm ắt tinh thành, sáng niệm chiều niệm, sao cho chẳng niệm mà niệm, niệm đến chỗ không niệm, niệm niệm chẳng ngừng, niệm thành một phiên. Tự nhiên đạo hợp thể đồng, cùng trời đồng cao, cùng đất đồng dày, cùng mặt trời, mặt trăng các ngôi sao đồng sáng... Di Đà chỉ ở trong tấm lòng chẳng loạn hiện ra... Thấy sắc chẳng nhiễm, nghe tiếng chẳng chú ý, động tĩnh hai tướng, tuyệt nhiên chẳng sinh, giữ lòng hư không, tĩnh-đỗ đều là pháp giới. Tự tính Di Đà, Di Đà đã tự tính, thì Lão tăng có bao giờ xa lìa đâu...”¹². Chúng ta có thể thấy trong đoạn trên đã chỉ ra cơ sở cho sự dung hòa tư tưởng giữa Thiền và Tịnh Độ ở Thạch Liêm xuất phát từ chỗ Phật giáo quan niệm chúng sinh do căn tính cao thấp khác nhau, do vậy để phù hợp với từng đối tượng tu học mà có thể lựa chọn phương tiện sao cho hiệu quả nhất. Với Tịnh Độ tông, pháp môn tu tập quan trọng nhất của tông phái này là lấy việc chuyên chú nhất tâm niệm danh hiệu Phật A Di Đà, đạt đến chỗ cao nhất của định lực (ngăn dứt mọi trần duyên, tâm chẳng tán loạn). Khi tâm vọng động, chấp trước đã xóa bỏ, chỉ còn lại bản tâm thanh tịnh, đồng thời khai mở trí tuệ bát nhã vô phân biệt đối đãi, đó chính là lúc thiền giả chứng ngộ và giải thoát.

Bên cạnh đó, trong tư tưởng Phật học của thiền sư Thạch Liêm còn thể hiện rõ nét khuynh hướng dung hòa giữa Phật giáo và Nho giáo. Đặc điểm này được phản ánh trong những ghi chép của ông vào ngày lễ Phật Đản năm 1695, sau khi làm lễ truyền Bồ Tát giới cho chúa Nguyễn Phúc Chu và hậu cung quyền thuộc trong phủ chúa xong, thiền sư Thạch Liêm tự tay viết Hộ pháp Kim Cương thư trao tặng cho chúa, có đoạn viết: “Dù ra đời, dù ở thế gian, đạo không có hai nẻo. Theo Nho giáo, Nghiêu Thuấn nói chữ “Trung”, Khổng Tử nói chữ “Nhất”. Sách “Trung Dung” nói chữ “Thành”, danh từ tuy chẳng đồng, nhưng nguồn gốc chỉ có một. “Nhất” là gì?

“Nhất” tức tâm vậy. Giữ được “nhất” tức tâm chính, rồi lấy đó mà tu thân, thì thân được tu, tề gia thì gia được tề, trị nước thì nước được trị. Nhất thiết dụng nhân, hành chính, binh, hình, lễ, nhạc, việc lớn việc nhỏ, việc nào cũng hiểu biết một cách sáng suốt và xử lý đều được thỏa đáng. Cho nên trời được “nhất” mà trong xanh, đất được “nhất” mà yên ổn, nhân quân được “nhất” mà thiên hạ thái bình, chính do đạo ấy vậy... Lời xưa bảo rằng: “Phương tiện có nhiều cửa, quy nguyên tính không hai”, là vì lẽ ấy”¹³. Ở đây, thiền sư Thạch Liêm đã bày tỏ tư tưởng độc đáo của mình qua việc bình giải những khái niệm Nho gia như “trung”, “nhất”, “thành” đều quy về một chữ “nhất”, mà theo ông, “nhất” không gì khác hơn chính là “nhất tâm”, tức cái bản tâm thanh tịnh, vô phân biệt đối đãi mà chúng sinh đều có. Người đời do mắc kẹt trong vọng niệm (những suy nghĩ sai lạc), biên kiến (ý kiến nghiêng về một bên hoặc cực đoan) nên dẫn đến quan niệm đối đãi phân biệt giữa Phật và Nho. Nhưng với cái nhìn thấu suốt của bậc tu hành đắc đạo, thiền sư Thạch Liêm đã vượt lên tất cả những quan niệm đối lập thông thường đó, ông chỉ ra rằng, dù là Phật hay Nho, đều cùng là phương tiện của chư Phật và bậc thánh nhân dùng để giáo hóa, chỉ bày cho chúng sinh noi theo để tu dưỡng thân tâm được chính với đạo (phương tiện có nhiều cửa, quy nguyên tính không hai). Từ đó, thiền sư Thạch Liêm chỉ ra nét tương đồng giữa tu Phật và trị nước cho chúa Nguyễn Phúc Chu thấy rằng, Nho gia với phương châm “tu thân, tề gia, trị nước” thì ở nhà Phật được thể hiện ở chỗ “tu tâm”. Tu tâm khi đạt đến chỗ giữ cho thân tâm mình trong sáng, một khi đã chứng đạo rồi thì theo đó mà hoạt dụng: dù là tề gia hay trị nước, dù là ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau như dùng người, hành chính, binh, hình, lễ, nhạc, v.v.. nhất nhất đều đắc dụng cả.

2.3. Tư tưởng hành thiền nhập thế

Bên cạnh tư tưởng dung hòa Thiên-Tịnh, Phật-Nho như trên, một trong những nội dung quan trọng khác trong triết học Phật giáo của thiền sư Thạch Liêm, đó chính là tư tưởng đề cao hành thiền

nhập thế, đem đạo vào đời, đặc biệt là ứng dụng Thiền học vào việc trị nước an dân.

Thiền sư Thạch Liêm là một người xuất gia, tu hành lâu năm nhưng ông vẫn canh cánh những vấn đề thế sự, độ chúng giúp dân. Những trăn trở giúp người, giúp đời của thiền sư Thạch Liêm như được hòa quyện với phương châm nhập thế, “tự lợi, lợi tha”, phổ độ chúng sinh mà Phật giáo Bắc truyền chủ trương, trở thành tư tưởng hành thiền nhập thế một cách hết sức thiết thực.

Tư tưởng này của thiền sư Thạch Liêm được thể hiện rõ qua lời ông gửi gắm đến chúa Nguyễn Phúc Chu, trên cương vị một vị chúa quyền cao vạn trượng, lại đồng thời là một tín đồ Phật giáo, một cư sĩ quy y như sau: “Đạo nhà vua ở nơi việc trị nước an dân. Đạo chỉ có một, nhưng địa vị mỗi người khác nhau. Nếu kẻ cai trị quốc gia, lãng bỏ tất cả pháp lệnh kỷ cương, đề cường cầu thanh tịnh, ấy là chẳng biết thanh tịnh vậy. Nếu hay những nhưng không dục vọng, lạnh lẽo không tham cầu, trong lòng hư linh, tùy việc thuận lý, tùy vật ứng phó, thì tuy ngày xử trí muôn việc cũng chẳng phiền nhiễu mây may”¹⁴. Câu nói trên của thiền sư Thạch Liêm đã phản ánh sâu sắc tinh thần từ bi khai phóng của Phật giáo Bắc truyền, đó là quan niệm của bậc tu hành đắc đạo khi đã chứng ngộ được thực tướng bản thể, vượt lên trên mọi quan niệm chấp trước đối đãi của đời thường như tại gia - xuất gia, tu thiền - trị nước, việc đạo - việc đời, v.v... Ông quan niệm, một người dù ở cương vị nào, thân phận nào đi chăng nữa, chỉ cần lấy tâm thanh tịnh, vô phân biệt để “ứng cơ tiếp vật”, hoàn thành đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình, nếu làm được như thế tức là đã khế hợp với chính đạo, nói khác đi là đã sống với đạo rồi. Do đó, thiền sư Thạch Liêm khuyên chúa nên làm tốt việc trị nước an dân, đó là biểu hiện cụ thể nhất của việc tu đạo chân chính với bậc quân vương. Đồng thời, thiền sư Thạch Liêm cũng chỉ ra cho chúa thấy, ngược lại, nếu một vị quân vương lại mang tư tưởng yếm thế, lãng tránh, chối bỏ trọng trách mà mình phải đảm đương, để cầu tìm sự thanh tịnh, thì sự thanh tịnh ấy quyết không phải là sự thanh tịnh bản nhiên của tâm vậy.

Điều đáng quý trong tư tưởng hành thiện nhập thể của thiền sư Thạch Liêm biểu hiện ở chỗ ông nhấn mạnh đến tính thiết thực của hành động, lấy đó làm thước đo cho hiệu quả của công đức tu hành ở bậc quân vương. Như trong một lần chúa Nguyễn Phúc Chu muốn định ngày tổ chức lễ trai giới, rước tất cả các tùy từ tượng tăng chúng, mở kỳ sám tụng Đại Bi Đà La Ni, tạ ơn Phật Tổ, bèn hỏi sư những việc cần chuẩn bị, thiền sư Thạch Liêm trình bày rằng: “Việc trai giới chẳng phải chỉ giữ cho sạch miệng sạch mình, tư tưởng trong sạch mà thôi. Việc trai giới của nhà vua, cần phải đem việc quốc gia trên dưới thanh lý chỉnh tề, không một người nào chưa được yên sở, không một việc nào chưa được thỏa đáng, như thế mới gọi là viên mãn. Nay trước hết, nên thanh lý oan ngục, tha tù bị giam cầm, chấn cấp kẻ nghèo thiếu, khởi dụng kẻ yếm trệ, bãi bỏ cấm điều nghiêm khắc, thương xót kẻ buôn bán, thi ân cho thợ thầy. Nói tóm lại nên đem tất cả công việc giúp người lợi vật, chăm chúc cử hành. Đến như nghi lễ đàn trường, tặng chúng y bát, vật dụng hương hoa... sẽ kê đơn chế biện”¹⁵. Qua đó cho thấy, thiền sư Thạch Liêm khuyên chúa Nguyễn Phúc Chu nên phát huy tốt địa vị, quyền uy, tài đức, tâm nguyện của mình mà ban đức thi ân, miễn giảm hình phạt hà khắc, chăm lo nhiều mặt của đời sống xã hội để tạo phúc cho muôn dân. Theo ông, đó chính là phương thức hiệu quả nhất để giữ gìn trai giới, tu dưỡng thân tâm quy về với chánh pháp nhà Phật, vừa “tự độ” vừa “độ tha” (độ cho chính mình và độ cho người khác). Nhìn nhận sâu hơn, những việc thiền sư Thạch Liêm nhấn gửi với chúa Nguyễn Phúc Chu đều là những việc ích nước lợi dân trong đạo trị nước của nhà cầm quyền, đồng thời cũng phản ánh rõ nét tinh thần nhập thể và tấm lòng từ bi, khoan dung, độ lượng của một vị thiền sư nặng lòng với thế sự.

3. Ý nghĩa và đóng góp của thiền sư Thạch Liêm với Phật giáo Đàng Trong thế kỷ 17

Sau khi tìm hiểu khái lược về bối cảnh lịch sử và những nội dung cơ bản trong tư tưởng Phật học của thiền sư Thạch Liêm như đã trình bày ở trên, vấn đề tiếp theo cần nghiên cứu đó là chuyển đi

sang Đại Việt hoàng pháp ở Đàng Trong của ông có ý nghĩa và đóng góp gì cho sự phát triển của Phật giáo xứ này vào nửa cuối thế kỷ 17? Một cách tổng quát, có thể xem xét vấn đề này trên hai phương diện chính sau: về phương diện học thuật, truyền thừa Phật giáo và về phương diện thực tiễn trong xã hội.

3.1. Về phương diện học thuật, truyền thừa Phật giáo

Như đã phân tích ở đầu bài viết, tình hình Phật giáo ở Đàng Trong vào thế kỷ 17, tuy chưa có được bề dày lịch sử và sự đa dạng về mặt tông môn như Phật giáo ở Đàng Ngoài, nhưng trên bình diện tổng thể thì ở Đàng Trong, ngoài thiền phái Lâm Tế do sư Nguyên Thiều đã truyền bá và bắt đầu phát triển ở vùng đất mới, thông qua sự tiếp xúc, giao lưu văn hóa Phật giáo của thiền sư Thạch Liêm và nhóm đồ đệ trong thời gian lưu lại truyền pháp (1695-1696) được ví như một luồng gió mới đầy sinh khí góp phần đem lại sự đa dạng hơn về mặt tông môn, giáo pháp và hệ phái truyền thừa đối với lịch sử phát triển của Phật giáo Đàng Trong. Qua những bài trước tác, pháp ngữ giảng giải, khai thị của thiền sư Thạch Liêm khi hoàng pháp ở đây đã góp phần làm phong phú và sâu sắc hơn nhiều vấn đề học thuật Phật giáo rất có ý nghĩa như: tư tưởng về chứng ngộ bản tâm, tư tưởng dung hòa Thiền-Tịnh, Phật-Nho, tư tưởng về pháp môn niệm Phật tự tính Di Đà, hay tư tưởng về hành thiền nhập thế, giữ gìn trai giới, v.v... Những tư tưởng đặc sắc của thiền phái Tào Động ở Trung Hoa đã được thiền sư Thạch Liêm giảng giải, trình bày một cách dễ hiểu, gần gũi hơn giúp cho người học đạo có thể dễ dàng lĩnh hội và theo đó thực hành.

Bên cạnh đó, xét về mặt tông môn và hệ phái truyền thừa thì thiền sư Thạch Liêm là người đã đưa thiền phái Tào Động ở Trung Hoa truyền vào Đàng Trong của Đại Việt vào nửa cuối thế kỷ 17. Thiền phái Tào Động của ông ở Đàng Trong có hai người đồ đệ được lịch sử nhắc đến, một là người đồ đệ cũ từng theo học ở Quảng Đông trước đây là hòa thượng Hưng Liên Quả Hoằng (người Hoa), sang Đại Việt trước sư phụ, trụ trì ở chùa Tam Thai (Quảng Nam) được chúa Nguyễn phong làm Quốc sư; người còn

lại là chúa Nguyễn Phúc Chu đã được sư Thạch Liêm truyền Bồ Tát giới, đặt pháp danh là Hưng Long cư sĩ, là người nối pháp đời thứ 30 của thiền phái Tào Động. Ngoài hai vị học trò chính thức này ra, trong thời gian lưu lại ở Đàng Trong, còn có không ít người thuộc giới vương hầu, tôn thất của chúa Nguyễn Phúc Chu cũng từng thụ giới quy y với sư Thạch Liêm như Thiều Dương Hầu, Quốc Mẫu, Hiền công chúa, v.v...

Tuy rằng, sự tồn tại, phát triển cũng như ảnh hưởng của thiền phái Tào Động ở Đàng Trong do những hạn chế của lịch sử đã không có được sự phát triển lâu dài và mạnh mẽ về truyền thừa như thiền phái Lâm Tế do sư Nguyên Thiều truyền vào, nhưng trên bình diện tổng thể mà xét thì thiền phái này vẫn mang một dấu ấn riêng biệt, có vị trí nhất định trong chiều dài lịch sử của Phật giáo Đàng Trong nói riêng và Phật giáo dân tộc nói chung, đồng thời qua đó cũng phản ánh quá trình giao lưu, tiếp xúc về mặt văn hóa-tư tưởng giữa Đại Việt và Trung Hoa thời bấy giờ.

3.2. Về phương diện thực tiễn trong xã hội

Sự kiện thiền sư Thạch Liêm sang truyền pháp ở Đàng Trong nửa cuối thế kỷ 17, về mặt lịch sử mà xét thì khoảng thời gian ông lưu lại ở Đàng Trong không dài, song những hoạt động Phật giáo của ông ở vùng Thuận Hóa, Quảng Nam thời bấy giờ đều chứa đựng nhiều ý nghĩa thiết thực trong đời sống xã hội, phản ánh phương châm “tùy cơ tiếp vật”, tinh thần nhập thế cao độ của vị thiền sư này.

Để hỗ trợ cho sư Thạch Liêm đứng ra tổ chức ba Đại lễ giới đàn Thiền lâm quy mô lớn cho tăng đồ theo nghi thức trang trọng bậc nhất của Phật giáo, chúa Minh Vương Nguyễn Phúc Chu đã đôn đốc việc phát đi thông báo khắp các phủ ở Đàng Trong cho giới tăng đồ biết mà quy tụ về Thuận Hóa tham gia lễ thọ giới, ai tham gia sẽ được chúa cấp phát giấy độ điệp và miễn thuế. Nhờ sự hỗ trợ nhiệt thành của chúa, cũng như với việc mang theo nhiều pháp tượng, pháp khí và đồ dùng trong nghi lễ, nên trong thời gian lưu lại ở đây, thiền sư Thạch Liêm đã có những hoạt động Phật giáo hết

sức sôi nổi, trang nghiêm và long trọng chưa từng có ở xứ này, thu hút đông đảo không chỉ giới tăng đồ mà cả dân chúng đều hoan hỉ kéo nhau đến xem như các chuỗi sự kiện: vào ngày mùng 1 tháng 4 năm 1695 khai mở pháp hội, Thạch Liêm làm Hòa thượng Đàn Đầu thượng đàn thuyết pháp truyền Sa Di giới cho cả nghìn người; sự kiện vào ngày 6 tháng 4, ông chủ trì Đại giới đàn Tỳ kheo giới; hay trong ngày Lễ Phật Đản mùng 8 tháng 4, tổ chức lễ khánh thành Phật viện trong vương phủ của chúa, đồng thời chủ trì Lễ đàn truyền Bồ Tát giới cho chúa Nguyễn Phúc Chu cùng hậu cung và giới tôn thất, quan lại; ngày mùng 9 tháng 4 thuyết pháp cho hàng trăm tân giới tử; ngày 12 tháng 4, [Thạch Liêm] “suất lãnh Quốc sư hai dãy, đem bốn tân giới tử làm phép “Cổ Phật khát thực”, và tạ công đức thành tựu của Quốc vương. Vương mặc áo tía, hai tầng nhân cầm bình bát, tích tượng hầu hai bên, chực đón tại điện môn phía Tây. Tràng phan dẫn đường, hai dãy tăng nhân và hơn một nghìn bốn trăm tân giới tử, đều mang y cầm bát sắp hàng đứng tề chỉnh, đồng thanh xưng tạ”¹⁶.

Trong thời gian lưu lại ở Thuận Hóa, thiền sư Thạch Liêm có nhiều dịp đàm đạo với chúa, ông thường lấy đạo từ bi khuyên Minh Vương Nguyễn Phúc Chu nên bãi bỏ những hình phạt nhẩn tâm, trái với đạo đức từ bi của Phật giáo, ông nói: “Trong nước có tượng hình, bắt tù trọng phạm giao cho voi quật, voi nhồi phạm nhân lên cao mấy trượng, rồi lấy ngà xóc đờ, ngà xoi thủng gan ruột, phạm nhân chết liền. Ta khuyên nhà vua trừ bỏ hình phạt ấy”¹⁷. Sư Thạch Liêm cũng tận tình góp ý cho chúa nhiều vấn đề có lợi cho việc trị nước an dân được chính ông thuật lại như sau: “Ta bèn đem những việc chính trị bàn luận mấy ngày nay, chép ra từng điều một, nhân điều trần “lập quốc chánh ước” 18 điều, đều là những việc thương lính, yêu dân, thông thương, lợi quốc, kỷ cương pháp độ, chép từng chi tiết rõ ràng...”¹⁸. Sau khi trình cho chúa xem, được chúa cho là phải, bèn sai người “khắc bằng yết lên cửa phủ, hiểu dụ văn võ quan dân đều biết, và khắc 24 thẻ bài, chia loại nêu rõ. Nếu ai trái điều lệ, phạm phép, cho kẻ bị thiệt hại, cầm thẻ bài đến kêu. Vô

luyện văn võ, quân dân, vương thân, quốc thích đều cứ phạm luật trị tội”¹⁹.

Hay trong hành trình chuẩn bị về lại Quảng Đông vào cuối tháng 6 năm 1695, do thuyền gặp phải gió chướng không đi được, khiến phái đoàn thiền sư Thạch Liêm phải dừng chân tá túc tại chùa Di Đà ở Hội An, Quảng Nam. Sư thấy có nhiều tăng chúng do đường xa cách trở, chưa kịp đến làm lễ thọ giới lần trước ở Thuận Hóa, sau hay tin sư đến Hội An, bèn lục tục kéo đến xin được thọ giới, sư bèn hoan hỉ đáp ứng ý nguyện của họ, truyền giới cho hơn 300 người. Cũng trong thời gian lưu lại dưỡng bệnh ở Hội An cùng nhóm đồ đệ, sư Thạch Liêm đã tự tay viết bài sớ để khuyên mộ tu bỏ chùa Di Đà bị đốt nát để làm nơi thờ Phật điện cũng như làm nơi tạm nghỉ cho khách thập phương qua lại vùng này. Trong bài sớ khuyên góp tu bỏ chùa Di Đà, có đoạn sư Thạch Liêm viết:

“Chớ bảo Tây phương mười vạn dặm, ngoảnh mặt làm ngơ.

Tuy rằng khổ hải không bến bờ, quay đầu vượt khỏi.

Quan quyền dân giả, hãy mau nhờ bè pháp đưa qua.

Tín nữ thiện nam, chớ chờ đến cùng đường trở lại.

Có sẵn tín tâm là cực lạc,

Kịp thời quyên cúng ấy cơ duyên”...²⁰

Ngoài ra, sư Thạch Liêm còn viết bài chúc văn để đọc khi cúng tế ở miếu Quan Phu Tử đồng thời cũng là Hội quán Phúc Kiến ở Hội An. Hay khi theo đường bộ từ Hội An trở lại Thuận Hóa, đoạn qua đường đèo Hải Vân nguy hiểm khó đi, không được tu bổ, thiền sư Thạch Liêm bèn tự tay viết bài khuyên mộ kêu gọi bá tánh sửa chữa đắp đường đèo, v.v...

Qua đó có thể thấy, dù từ phương diện học thuật, truyền thừa Phật giáo hay từ phương diện thực tiễn trong xã hội đều tạo nên một sự chuyển biến nhất định mang ý nghĩa tích cực hơn, góp phần khiến cho tình hình Phật giáo Đàng Trong, nhất là “ngoài dân gian, hầu như ở cả Thuận Hóa và Quảng Nam; ít ra nữa là phần oai nghi

phong cách trong Tăng giới cũng được chỉnh đốn nhiều. Phật giáo Thuận Hóa khởi sự có quy củ”²¹ hơn so với tình trạng quản lý có phần lỏng lẻo, bất cập trước đó. Đồng thời, qua những hoạt động Phật giáo của ông đã thu hút được sự quan tâm của giới vương hầu, tôn thất, tăng chúng, tín đồ và một bộ phận dân chúng hưởng ứng, từ đó cho thấy đã phần nào đáp ứng được nhu cầu trong đời sống văn hóa tinh thần của họ.

Kết luận

Những nội dung phân tích ở trên đã phản ánh cuộc đời, sự nghiệp hoằng pháp của thiền sư Thạch Liêm khiến cho người đời sau phải suy ngẫm về lý tưởng cùng hành trạng của thiền sư Thạch Liêm thật đúng như lời nhận định của bậc nhân sĩ trí thức thời bấy giờ hiệu là Dũng Giang Cừu Triệu Ngao có lời lẽ trang trọng khi viết về ông như sau: “Than ôi, Hòa thượng đã già rồi! Ôm tài thông hiểu thiên nhân, nuôi chí kinh bang tế thế, phát nguyện Bồ Tát, ẩn giấu thiền lâm, sau những lúc vui đạo tu hành, mượn văn chương để giải bày tâm chí, nhân đó cũng có thể tưởng thấy khí khái trác lạc phi thường của hòa thượng vậy”²².

Mặc dù thiền sư Thạch Liêm đã có những đóng góp đáng kể về phương diện Phật giáo và văn hóa xã hội ở Đàng Trong, nhưng về mặt khách quan, ông không tránh khỏi những hạn chế nhất định của lịch sử. Điều này biểu hiện ở chỗ, chuyến đi của sư Thạch Liêm chủ yếu vẫn trong vai trò thượng khách của chúa Nguyễn Phúc Chu, thế nên ông ít có dịp du hành, tiếp xúc, thuyết pháp với giới tăng chúng, tín đồ thời bấy giờ. Bên cạnh đó, do thiếu vắng đi sự giao lưu, gặp gỡ với những vị Tổ danh tiếng ở Đàng Trong đương thời như Nguyên Thiều, Tử Dung, v.v.. cũng như những khác biệt trong phong tục, tập quán của văn hóa hai nước đã khiến cho một số nhận định của ông đối với tình hình Phật giáo vùng Thuận Hóa, Quảng Nam thời bấy giờ không tránh khỏi có phần chủ quan, một chiều. Mặt khác, vì thời gian sư Thạch Liêm lưu lại khá ngắn ngủi, lại thêm chưa tạo được sức lan tỏa sâu rộng với đối tượng tín đồ thuộc giới bình dân, cũng như thiếu đi lớp người truyền thừa kế cận và hệ

thống Tổ đình, chùa tháp làm nơi nổi pháp ở nơi này sau khi ông về nước nên đã khiến cho thiền phái Tào Động do sư Thạch Liêm truyền vào chưa hội đủ các điều kiện để phát triển bề thế và sâu rộng như thiền phái Lâm Tế ở Đàng Trong về sau.

Tóm lại, việc tìm hiểu bối cảnh lịch sử, tiểu sử, hành trạng cũng như tư tưởng Phật học của thiền sư Thạch Liêm giúp cho chúng ta thêm hiểu về lịch sử quá trình du nhập, truyền bá của thiền phái Tào Động ở Đàng Trong vào thế kỷ 17, qua đó góp phần làm sáng tỏ hơn một mặt xích không thể thiếu trong tiến trình phát triển của Thiền học dân tộc đặt trong mối liên hệ giao thoa với Phật giáo Bắc truyền Trung Quốc nói chung, và thiền phái Tào Động nói riêng. Từ đó phản ánh tính linh hoạt, tiếp biến của Phật giáo Việt Nam: không bảo thủ, cứng nhắc, mà ngược lại, luôn căn cứ vào điều kiện thực tế khách quan để tiếp thu, chắt lọc và cải biến những luồng tư tưởng Phật giáo từ bên ngoài truyền vào sao cho phù hợp với hệ giá trị tinh túy của Phật giáo dân tộc. Đây cũng chính là nét đặc trưng đáng quý của Phật giáo Việt Nam cần tiếp tục giữ gìn và phát huy trong bối cảnh đất nước hội nhập và phát triển hiện nay./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Hiền Đức (1995), *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, tập 1, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 121.
- 2 Thích Đại Sán (bản dịch 1963), *Hải ngoại ký sự*, Viện Đại học Huế dịch, Huế, tr. 43.
- 3 Li Tana (2013), *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế-xã hội Việt Nam thế kỷ 17-18*, Nguyễn Nghị dịch, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 221-222.
- 4 Mật Thể (1960), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb. Minh Đức, Sài Gòn, tr. 212-213.
- 5 Câu này trong bản nguyên tác chữ Hán có âm Hán Việt là từ “thỉnh”, theo tác giả nên dịch là “mời” thay cho từ “đón”.
- 6 Quốc Sử Quán triều Nguyễn (bản dịch 1994), *Đại Nam Liệt truyện tiền biên*, Đỗ Mộng Khương dịch, tập 1, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 193-195.
- 7 Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Sdd, tr. 9-10.
- 8 Xem phần khảo cứu của Trần Kinh Hòa trong *Hải ngoại ký sự*, Sdd, tr. 248-254.
- 9 Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Sdd, tr. 130-131.

- 10 Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Sđd, tr. 207-209.
- 11 Túc 6 chữ: “Nam mô A Di Đà Phật”.
- 12 Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Sđd, tr. 114-115.
- 13 Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Sđd, tr. 88.
- 14 Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Sđd, tr. 33.
- 15 Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Sđd, tr. 97.
- 16 Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Sđd, tr. 90.
- 17 Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Sđd, tr. 99.
- 18 Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Sđd, tr. 100.
- 19 Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Sđd, tr. 100.
- 20 Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Sđd, tr. 157.
- 21 Thích Hải Ấn & Hà Xuân Liêm (2006), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 168.
- 22 Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Sđd, tr. 16.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Hải Ấn & Hà Xuân Liêm (2006), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Hiền Đức (1995), *Lịch sử Phật giáo Đảng Trong*, tập 1, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1995.
3. Nguyễn Hùng Hậu (2000), *Đại cương lịch sử Triết học Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Tạ Quốc Khánh (2012), Minh Vương Nguyễn Phúc Chu với việc phát triển Phật giáo Đảng Trong, *Nghiên cứu Phật học*, số 2, tr. 30-33.
5. Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
6. Li Tana (2013), *Xứ Đảng Trong: Lịch sử kinh tế-xã hội Việt Nam thế kỷ 17-18* (Nguyễn Nghị dịch), Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Trần Hồng Liên (2000), *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ-Việt Nam từ thế kỷ XVII đến 1975*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn (1852), *Đại Nam Liệt Truyện Tiền biên*, quyển 6, bản nguyên tác chữ Hán, lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Pháp, bản khắc năm Tự Đức thứ 5.
9. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn (bản dịch 1994), *Đại Nam Liệt Truyện Tiền biên* (Đỗ Mộng Khương dịch), tập 1, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
10. Thích Đại Sán (bản dịch 1963), *Hải ngoại ký sự*, Viện Đại học Huế dịch, Huế.
11. Vân Thanh (1974), *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam qua các thời đại và phát nguồn của các giáo phái Phật giáo*, Phật Học Viện và các chùa xuất bản, Sài Gòn.
12. Mật Thể (1960), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb. Minh Đức, Sài Gòn.
13. Thích Thanh Từ (2018), *Thiền sư Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Abstract

**BUDDHOLOGY'S THOUGHT OF BUDDHISM IN THE
COCHINCHINA DURING THE SEVENTEEN CENTURY AND
CONTRIBUTIONS OF ZEN MASTER THẠCH LIÊM**

Nguyen Ngoc Phuong
*Faculty of Philosophy,
Sun Yat-sen University, China*

When researching on the history of Vietnamese Buddhism in the Trinh-Nguyen period in general, as well as the development of Buddhism in Cochinchina during the 17th century in particular, it is necessary to mention the role of the Chinese Zen masters who spread the Linji school and the Caodong school into this land. Venerable Thach Liem is considered the typical figure who brought the Caodong meditation school to the central region of the country. The article focuses on the historical context, biography and merits of Zen master Thach Liem, analyzing his Buddhist philosophical thoughts on three aspects such as enlightenment the mind; harmonization of Zen-Pure Land, Buddhism-Confucianism and the practices of meditation. The article also indicates the meaning, contribution as well as limitations of this Zen master to Buddhism in Cochinchina.

Keywords: Thạch Liêm Đại Sán; Buddhism; Cochinchina; Caodong school.